

TIẾNG ANH Ở ẤN ĐỘ - QUÁ TRÌNH TRUYỀN BÁ VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HOÁ

TRẦN THỊ THANH VÂN*

Trong lịch sử, người Anh đã đến Ấn Độ và tiếng Anh được phổ biến, truyền bá, phát triển ở tiểu lục địa này. Tiếng Anh là ngôn ngữ của kẻ xâm lược nhưng ở đây không chỉ đơn thuần là sự phổ cập ngôn ngữ đó cho thuộc địa. Thông qua sự truyền bá văn hoá của chính quyền thực dân, tiếng Anh đã du nhập, được tiếp nhận và trở thành một trong những ngôn ngữ chính thức ở Ấn Độ (cùng với tiếng Hindi và 21 ngôn ngữ khác). Trong số 1.652 ngôn ngữ mẹ đẻ được ước lượng ở Ấn Độ, Hindi là quốc ngữ còn tiếng Anh là ngôn ngữ phổ thông, được dùng trong chính phủ, giáo dục và kinh doanh. Anh ngữ đã trở thành “di sản của dân tộc” trước xu thế phát triển toàn cầu hoá của thế giới hiện nay, như chính người Ấn vẫn thường nói. Tiếng Anh ở Ấn Độ thực sự là một hệ quả, một “món quà vô giá” ngoài ý muốn mà thực dân Anh đã để lại cho thuộc địa.

1. Trong suốt 2 thế kỷ Đế chế Anh - Ấn tồn tại, những chính sách thực dân về văn hoá, giáo dục cũng dựa trên những tham vọng về kinh tế và chính trị. Người Anh phát triển Anh ngữ và giáo dục nhằm “đồng hoá” dân tộc Ấn Độ, tạo ra một tầng lớp người bản địa nói tiếng Anh, hưởng quyền lợi của chính phủ Anh, theo lý tưởng sống của Tây phương, phục vụ

trong hệ thống quan chức của nền thống trị thực dân. Với các giai đoạn khác nhau, tiếng Anh đã được truyền bá và phát triển ở Ấn Độ.

- Giai đoạn thăm dò và truyền bá:

Đây là giai đoạn mở đầu trong quá trình thực dân hoá của Anh ở Ấn Độ. Cùng với việc thiết lập nền thống trị thực dân, những chính sách văn hoá, giáo dục đầu tiên được thực thi ở thuộc địa với mức độ thăm dò và sự truyền bá còn bị giới hạn.

Công ty thương mại London ở Đông Ấn (*Company of Merchants of London trading into the East Indies*), hay còn gọi là Công ty Đông Ấn Anh (*East India Company - EIC*) được nữ hoàng Elizabeth ký sắc lệnh thành lập vào ngày 31 tháng 12 năm 1600. Nhưng trong thực tế, phải đến sau chiến thắng Plassey năm 1757, quyền lực thực sự của thương gia Anh mới được thiết lập ở Ấn Độ. Trong giai đoạn đầu, Công ty Đông Ấn Anh chú trọng xây dựng bộ máy chính quyền thực dân, phục vụ cho mục đích thương mại của thương gia Anh. Giáo dục của Công ty ở Ấn Độ chỉ dành cho trẻ em người Âu, con của nhân viên Công ty hoặc một số ít là người Ấn gốc Anh. Công ty hầu như không chú ý tới giáo dục cho người Ấn. Phải đến cuối thế

* Th.s Trần Thị Thanh Vân, Khoa Lịch sử - Đại học Vinh

kỷ XVIII, khi Công ty kiểm soát được được những vùng lãnh thổ rộng lớn như Punjab và Sind, người Anh bắt đầu nghĩ tới giáo dục và truyền bá Anh ngữ cho người bản địa để “khai hóa” họ. Bởi giai cấp thống trị Anh nghĩ rằng: “nếu giao thương với người văn minh thì sẽ dễ dàng và thuận lợi hơn rất nhiều so với người ở trình độ lạc hậu, dã man”⁽¹⁾. Từ thời điểm này, giáo dục người Ấn Độ mới trở thành chiến lược và mục đích lâu dài của Công ty.

Kế hoạch chi tiết đầu tiên của nền giáo dục Anh ở Ấn Độ được Charles Grant, một tín đồ Thiên chúa giáo, đồng thời là giám đốc của EIC, soạn thảo vào năm 1792. Vì thế, những nội dung được truyền bá đầu tiên bằng tiếng Anh ở Ấn Độ là giáo lý đạo Kitô nhưng cũng thông qua đó một số kiến thức về thành tựu kinh tế, văn hoá và xã hội của thế giới cũng phổ biến. Theo Grant, “tiếng Anh và nền giáo dục phương Tây chinh phục Hindu giáo nhưng nhằm mục đích cuối cùng về thương mại và chính trị”. Quan điểm này đã thể hiện trong “Hiến chương đổi mới” (The Charter Renewal) được ban hành năm 1813. Theo đó, lần đầu tiên pháp luật Anh công nhận nghĩa vụ và quyền hạn của Công ty trong việc truyền bá những kiến thức về văn hóa và ngôn ngữ Anh cho người Ấn.

Sau Hiến chương 1813, các nhà truyền đạo Anh được mở cửa tự do vào Ấn Độ. Một số lớn đã xâm nhập vào thuộc địa này “với kế hoạch giáo dục người Ấn, dạy cho họ một ngôn ngữ mới, một tôn giáo mới và một nền văn hoá mới”. Công ty Đông Ấn Anh và Chính phủ London gián tiếp cổ vũ họ. Công ty đã sử dụng các nhà truyền đạo như là “thế lực đại diện để làm bất cứ những gì phải làm trong khi Công ty đang say đắm với thương mại còn Chính phủ thì tham vọng bành trướng đế chế”⁽²⁾. Các

trường học về Thiên chúa giáo đã được thành lập nhiều nơi với mục đích thông qua phương tiện trung gian là tiếng Anh để “chuyển biến người dân Ấn Độ thành con chiên của Chúa”.

Kết quả là từ 1824 đến 1835, các trường lớp dạy tiếng Anh đầu tiên đã được mở như là Calcutta Madrassa, the Benares Sanskrit College, Dellhi College, Agra College và các cơ quan giáo dục Đông phương học khác. “Những người Ấn Độ trẻ tuổi dường như bị lôi cuốn bởi quan điểm mới, chủng tộc mới. Họ nghĩ rằng đây là thời kỳ văn hoá phục hưng ở Ấn Độ. Họ đổ xô tới các lớp học tiếng Anh, bắt đầu viết thơ, văn và các bài nghiên cứu bằng tiếng Anh và báo chí xuất bản cho họ”. Một số đã thông thạo tiếng Anh và hiểu sâu sắc văn học Anh, điều mà “thậm chí không thể có được ở châu Âu”⁽³⁾. Báo chí tiếng Anh đã được xuất bản từ năm 1780 đến 1795 ở Calcutta, Madras và Bombay và đến thời điểm này chúng cũng khuyến khích người Ấn viết tiếng Anh.

- Giai đoạn củng cố:

Với những thay đổi trong chính sách, một giai đoạn mới được mở ra trong việc truyền bá Anh ngữ ở Ấn Độ. Sự thay đổi này của Công ty Đông Ấn Anh xuất phát từ các mục đích về chính trị trong bối cảnh Công ty đã kiểm soát được về cơ bản lãnh thổ thuộc địa Ấn Độ và đang mong muốn củng cố quyền lực cai trị với người dân bản xứ.

Đến thời điểm đầu thập kỷ 30 thế kỷ XIX, bắt đầu những khó khăn đối với Công ty Đông Ấn Anh trong việc cai trị Ấn Độ khi nhân viên của Công ty chỉ có người Anh mà thiếu việc bổ nhiệm người Ấn trung thành biết tiếng Anh. William Bentinck nhậm chức Toàn quyền tại Ấn

Độ từ năm 1828, ông đã viết thư cho Ủy ban truyền bá công cộng để đề xuất về việc cần thiết phải lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức của chính quyền và giáo dục ở Ấn Độ. Vấn đề đó được giải quyết khi Lord Macaulay tới Ấn Độ vào tháng 6 năm 1834, được chọn làm thành viên thứ nhất trong Hội đồng quản trị của Toàn quyền và là giám đốc của Ủy ban truyền bá công cộng. Lord Macaulay đã thông qua kế hoạch mang tên "*The Minute*" vào ngày 2 tháng 2 năm 1835 và được xem như là "Bản Tuyên ngôn của giáo dục tiếng Anh ở Ấn Độ". Lord William Bentinck đã công nhận văn kiện này vào ngày 7 tháng 3 năm 1835.

"*The Minute*"- nghĩa là giáo dục cho người Ấn Độ từng phút, rất rõ ràng về mục đích và kết quả của việc giáo dục tiếng Anh ở Ấn Độ: "Chúng ta phải kết nối mối quan hệ giữa chúng ta và hàng triệu người mà chúng ta cai trị, những người có máu và màu da Ấn Độ nhưng lại có thị hiếu, quan điểm, tinh thần và trí tuệ Anh"⁽⁴⁾. Mục tiêu của Macaulay là tấn công một cách mạnh mẽ vào hệ thống ngôn ngữ, văn học và cả tôn giáo của người Ấn, từ đó truyền bá văn hoá cũng trên những lĩnh vực tiêu biểu này. Bởi theo ông, đó là "trung tâm về mặt văn hoá của Đế chế và sự bành trướng thương mại của Công ty"⁽⁵⁾.

Tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ chính thức của giáo dục Anh ở Ấn Độ từ năm 1837. Chính sách của Công ty Đông Ấn Anh là thành lập các trường trung học dùng tiếng Anh hoặc cả tiếng Anh lẫn tiếng địa phương ở mỗi quận. Các trường trung học dùng tiếng Anh nếu chất lượng tốt sẽ nâng cấp bậc lên cao đẳng. Có một số trường truyền giáo cũng dạy tiếng Anh, theo thống kê năm 1845 có khoảng 30.000

trường loại này. Sự "hấp dẫn" bởi các vị trí được bổ nhiệm trong hệ thống chính quyền Anh đã thúc đẩy nhiều thanh niên Ấn tìm đến với các trường dạy tiếng Anh. Họ hy vọng sẽ được ưu tiên trong khi tìm việc làm. Phong trào học tiếng Anh mạnh nhất là ở các bang Bengal và Madras.

Chính sách phát triển Anh ngữ ở các đô thị còn thể hiện ở con số các tờ báo và tạp chí đã được xuất bản trong giai đoạn này. Có khoảng 130 tờ báo và tạp chí được phát hành trong đó nổi bật một số tờ báo tiếng Anh quan trọng như là Times of India, Bombay (1838); Calcutta Review (1844); Examiner, Bombay (1850); Guardian, Madras (1851)... Các nhà văn Ấn nổi tiếng viết các tác phẩm của mình bằng tiếng Anh như Michael Madhusudan Dutt (Calcutta), C.V. Boriah (Madras), Krishna Mohan Banerji (Calcutta), Kashiprasad Ghose (Calcutta)...

Năm 1853, Công ty Đông Ấn Anh đã ra bản hiến chương mới. Ban giám đốc của Công ty đã đặt ra câu hỏi, "tại sao lại không có sự trung thành với chính quyền khi mà giáo dục đã cố gắng với tất cả những lợi ích vì người dân bản địa"⁽⁶⁾. Charles Wood, sau này được biết đến là Lord Halifax, đã ra một thông báo quan trọng vào năm 1854, văn kiện thỉnh thoảng vẫn được gọi là "Đại hiến chương của giáo dục tiếng Anh ở Ấn Độ". Đây là văn kiện đầu tiên trình bày một cách đầy đủ chính sách về giáo dục của Chính phủ Anh và EIC.

Lý luận của Wood khác hơn rất nhiều so với "*The Minute*" của Macaulay, nó đưa ra những cơ sở có sức thuyết phục để những chính sách giáo dục của Anh được chấp nhận ở Ấn Độ. Trong đó đặc biệt là kế hoạch giáo dục tiếng Anh kết hợp với ngôn ngữ bản địa trong việc truyền bá tri

thức phương Tây vào thuộc địa. Khi chính sách này được thực thi, các trường dạy Thiên chúa giáo, trường tư thục và các trường trung học ở các quận, huyện được bảo lãnh bởi EIC bắt đầu thực hiện việc giảng dạy tiếng Anh ở các cấp phổ thông với các cấp độ khác nhau. Nền giáo dục được mở rộng lên cấp đại học. Năm 1857, năm diễn ra cuộc binh biến Xipay (*Sepoy Mutiny*) có ba trường đại học được thành lập ở Bombay, Calcutta và Madras.

Ở đây có sự liên hệ và so sánh về việc dạy tiếng Anh ở Ấn Độ và Anh. Anh ngữ lần đầu tiên được đề cập đến như là một môn học ở Anh vào năm 1828, thậm chí trước đó nó cũng không được đề cập trong 2 trường đại học danh tiếng là Oxford và Cambridge. Nó chỉ được dạy trong Trường Cao đẳng tổng hợp London, thành lập năm 1826 nhưng cũng không phải là môn văn học Anh mà chỉ về ngôn ngữ Anh. Phải đến 3 năm sau, năm 1831, văn học Anh mới được đề xuất là một môn học của Trường Cao đẳng Nữ hoàng London (sau này là Trường Đại học Tổng hợp London). Trước năm 1828, các học giả kinh điển nói tiếng Hy Lạp (ngôn ngữ cổ điển của châu Âu) còn Latinh chủ yếu là ngôn ngữ của nhà thờ, môn thần học và toán học được dạy như là một môn học chính của Oxford và Cambridge. Cả hai trường này đã không dạy môn mới là văn học Anh cho đến cuối thế kỷ XIX. Vào thời kỳ này, ở Anh, học văn nghĩa là học một số tác phẩm vĩ đại bằng ngôn ngữ kinh điển Hy Lạp. Tiếng Anh được xem như “là một thổ ngữ”. Đại học Oxford đưa môn Anh ngữ vào dạy từ năm 1894 và Cambridge thì tận năm 1911, trong khi đó ở Ấn Độ, ba trường đại học đã bắt đầu dạy môn học này từ năm 1857.

Tiếp đó, ở Ấn Độ, nhiều trường đại học

đã được thành lập, giảng dạy Anh ngữ, dùng đó làm ngôn ngữ dạy và học như là Lahore University (1869), Punjab University (1882), Allahabad University (1887). Các trường này được tổ chức theo mẫu hình của London University ở Anh. Đến lúc này, một tấm bằng đại học được xem như là “tấm hộ chiếu” để tìm việc làm một cách chắc chắn và chứng nhận tốt nghiệp ở các trường phổ thông có dạy Anh ngữ là điều kiện đầu tiên để xét tuyển sinh vào các trường đại học.

Đến cuối thế kỷ XIX, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ của giáo dục, giao thương và chính quyền; các ngôn ngữ địa phương hầu như không còn được sử dụng trên các bảng giá hàng hoá ở chợ. Tiếng Anh trở thành “ngôn ngữ uy thế” ở Ấn Độ, “ngôn ngữ của sức mạnh và tiền bạc”, hoàn toàn thay thế tiếng Batur và các thổ ngữ. Người Anh đã thành công trong việc kết nối giữa giáo dục tiếng Anh và thành lập hệ thống quan chức. Quyền lực của chính quyền thực dân được xây dựng trong tay quan chức Anh với một hệ thống những người phục vụ Ấn Độ biết tiếng Anh. “Anh ngữ đã nắm lấy chức năng của các ngôn ngữ bản địa”.

- Giai đoạn phổ biến:

Đến cuối thế kỷ XIX đầu XX, bắt đầu có những thay đổi mới và đây là một bước phát triển quan trọng để Anh ngữ “chinh phục” được nền văn hoá ngôn ngữ Ấn Độ. Đế chế Anh được mở rộng và lãnh thổ Ấn trở nên thống nhất dưới chính quyền của Anh. Anh ngữ và nền giáo dục Anh cũng đã chế ngự được nhận thức của những người bị trị đặc biệt ở những vùng thành thị như là một “Đế chế tiếng Anh” (*English Empire*)⁽⁷⁾. Sự phát triển của truyền thông như là kỹ thuật in ấn, xuất bản, đường sắt, bu điện, điện tín... “đã

đưa đến sức mạnh cho sự kiểm soát hoàn toàn ngôn ngữ và lãnh thổ". Đó chính là thời điểm Lord Curzon trở thành Phó vương Ấn Độ, từ 1899 đến 1905.

Năm 1901, Lord Curzon đã phát biểu rằng việc học tiếng Anh là "chìa khoá của việc làm" (*the key to employment*)⁽⁸⁾. Tiếng Anh sẽ đưa đến cơ hội xin việc trong cơ quan chính phủ cho người Ấn. Ông đã cho thành lập Ủy ban các trường Đại học tổng hợp năm 1902 và ra Tuyên bố vào 1904. Ủy ban này đã có những quy định về các bang tiếng Anh trong hệ thống giáo dục Ấn Độ. Tuy nhiên, Bản Tuyên bố cũng nhấn mạnh rằng hầu như trong các bang này việc giảng dạy các ngôn ngữ Ấn bị "sao nhãng". Ví dụ ở Bengal có 101 trường dạy Ấn ngữ nhưng chính người địa phương cũng không ủng hộ những "trường truyền thống" này vì họ "bị đồng hoá" quá mạnh từ Anh ngữ. Tuyên bố khẳng định, Anh ngữ tiếp tục là ngôn ngữ ở cấp giáo dục cao hơn. Năm 1904, chính phủ Lord Curzon cũng đã ra Nghị quyết Chính phủ về chính sách giáo dục ở Ấn Độ. Từ thời điểm này, nhiều trường đã thay đổi đúng như quy định, chỉ dạy Anh ngữ khi học sinh được 13 tuổi, từ cấp giáo dục trung học trở lên. Nhiều trường bắt buộc học sinh phải học thổ ngữ từ năm 8 hoặc 9 tuổi, trước khi tiếp nhận ngoại ngữ. Chính sách này đã thúc đẩy sự phát triển các ngôn ngữ dân tộc ở Ấn Độ từ các cấp tiểu học, cơ sở và trung học. Giai cấp cầm quyền muốn tạo ra một hệ thống quan chức "đồng đều" về trình độ khi họ có cả ngôn ngữ địa phương lẫn Anh ngữ.

Thế nhưng trong thực tế, đầu thế kỷ XX, rất nhiều người dân Ấn Độ có nhu cầu học Anh ngữ và tiếp nhận nền giáo dục Anh hơn là học ngôn ngữ dân tộc. Giai cấp cầm quyền có "đủ khôn ngoan để khuyến

khích họ". "Yêu cầu và sự mở rộng tự nhiên", như cách nói của một nhà sử học Ấn, được thể hiện trong số lượng các trường dạy Anh ngữ tăng mạnh, thậm chí hơn gấp 10 lần so với các trường dạy Đông phương học hoặc nông nghiệp. Sự mở rộng ở mức cao nhất các trường Anh ngữ cho thấy tiếng Anh đã được người Ấn yêu thích và tiếp nhận. Báo, tạp chí, sách, xuất bản phẩm... bằng tiếng Anh, được mang đến từ Anh quốc đã phổ biến trong cộng đồng người bản xứ. "Người Ấn trẻ bắt đầu thích thú mọi thứ liên quan đến nước Anh và châu Âu; họ đến nước Anh vì mục đích giáo dục và thương mại hoặc đơn giản chỉ vì tò mò"⁽⁹⁾. Nhiều thanh niên Ấn đã nhận bằng cấp ở các thành phố lớn như là Bombay, Calcutta, Madras và nhiều thành phố khác đã tới Anh để hoàn thành chương trình giáo dục ở một trường đại học nào đó ở Anh hoặc tại các dinh thự của Hội Luật gia London. Một số khác có tham vọng vị trí trong ngành Dân chính (*Indian Civil Service - ICS*) cũng tới Anh để chuẩn bị cho các kỳ thi tuyển của ICS.

Sự phổ biến của tiếng Anh ở Ấn Độ còn được thể hiện trong hai cuộc chiến tranh Thế giới ở nửa đầu thế kỷ XX mà Anh là một nước tham chiến. Chiến tranh không chỉ ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu mà còn ảnh hưởng cả vấn đề ngôn ngữ. Tiếng Anh trở thành một "hiện tượng ngôn ngữ toàn cầu". Binh lính nói tiếng Anh ở khắp thế giới và qua quá trình đó tiếng Anh đã có những biến đổi. ở Ấn Độ, có nhiều loại Anh ngữ kết hợp với Ấn ngữ đã xuất hiện như Cantonment English (ở các vùng đóng quân thường trực của Anh ở tây bắc, đông bắc và bắc Ấn Độ), Butler English (tiếng Anh cho quân gia), Bearer English (tiếng Anh cho người làm thuê, khuân vác) và Bazaar English (tiếng Anh ở chợ)... "Tất cả

là kết quả của sự ảnh hưởng từ quân đội, đặc biệt ở những vùng đóng quân. Nhiều người Ấn đã bổ sung vốn Anh ngữ của mình qua vay mượn ngôn ngữ của lính và sau đó thì bổ sung thêm từ ngữ từ những ngôn ngữ bản địa"⁽¹⁰⁾. Do vậy, tiếng Anh-Ấn bắt đầu hình thành rõ rệt ở Ấn Độ.

Hơn thế nữa, trong giai đoạn này các học thuyết dân tộc cũng đã phát triển ở Ấn Độ, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. "Chính quyền thực dân thật khó chấp nhận sự thật rằng, chính những người Âu đã đến Ấn Độ, chuẩn bị cho người Ấn sự tiếp nhận của ý thức dân tộc và sự ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây đã sớm hình thành nội dung của các học thuyết dân tộc ở đây"⁽¹¹⁾. Người dân Ấn Độ đòi tự do và độc lập như những gì mà kiến thức của người Âu truyền bá. Các tư tưởng tự do của họ đều viết bằng tiếng Anh. Bắt đầu là Swami Vivekananda, với thuyết duy linh của mình đã muốn biểu thị phần tâm linh của người Ấn Độ với thế giới bằng tiếng Anh cũng như Sri Aurobindo viết về đời sống tinh thần của dân tộc mình cùng ngôn ngữ đó. Radhakrishnan nghiên cứu về triết học Ấn và Mahatma Gandhi giải thích triết lý bất bạo động của mình cũng bằng Anh ngữ. Jawarhalal Nehru với "Phát hiện Ấn Độ" đã cho thế giới thêm những phát hiện thực sự về Ấn Độ khi trình bày tác phẩm bằng tiếng Anh. Tilak, Gokhale, Subhash Chandra Bose, Sardar Patel, Tagore... đều biểu thị những khát vọng và mong muốn tự do của người dân Ấn Độ bằng Anh ngữ. Các thiên sử ca của người Ấn là Ramayana và Mahabharata đã được Rajagopalachari dịch ra tiếng Anh. "Ấn Độ với những truyền thống văn hóa, với ước mơ và khát vọng, với sức mạnh và khả năng của mình đã được giới thiệu một cách có hiệu quả bởi

những người lãnh đạo trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc"⁽¹²⁾.

- Giai đoạn đồng nhất:

Đây là giai đoạn phát triển của Anh ngữ ở Ấn Độ khi người Anh đã rời khỏi thuộc địa này. Rõ ràng, khi người Anh đến Ấn Độ, họ mang theo ngôn ngữ và văn hoá của mình như là một công cụ quan trọng để phục vụ cho nền thống trị thực dân. Tuy nhiên, trải qua hai thế kỷ của chế độ thống trị thực dân Anh ở Ấn Độ, bên cạnh "sự phá hoại" cũng có những yếu tố "xây dựng" và "phục hưng". Anh ngữ đã được truyền bá, chấp nhận, phát triển và hơn thế nữa đã đồng nhất ở thuộc địa này.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ thắng lợi, Hiến pháp mới được phê chuẩn và thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 1947, Ấn Độ trở thành nước cộng hoà vào ngày 26 tháng 1 năm 1950, chấm dứt nền thống trị của Đế chế Anh Ấn. Tuy nhiên, "Giai cấp thống trị da trắng ra đi nhưng những quý ngài da nâu được giáo dục Anh ngữ (*the English-educated brown Sahibs*) - "tác phẩm" của Macaulay, đã kế tục ở Ấn Độ"⁽¹³⁾. Trên toàn lãnh thổ rộng lớn của Ấn Độ đã sử dụng tiếng Anh. Hiến pháp của Ấn được in bằng tiếng Anh; những người quản lý và quan toà sử dụng tiếng Anh để làm việc. Người Anh đã để lại một mạng lưới đường sắt, bưu điện, viễn thông, hệ thống hành chính và tất cả những giao dịch của thương nhân đều dùng tiếng Anh.

Sau khi độc lập, vấn đề ngôn ngữ đã trở thành vấn đề nhạy cảm. Đối với những người Ấn Độ theo chủ nghĩa dân tộc, tiếng Anh và nền giáo dục Anh là biểu tượng của "chế độ nô lệ vĩnh viễn" (*The Eternal slavery*). Họ muốn xoá sạch đi những "vết chàm" này. Một số khác đã nghĩ rằng, "chủ

nghĩa dân tộc Ấn cũng là một sản phẩm phụ của nền giáo dục Anh”, người Ấn Độ đã tiếp nhận tư tưởng tự do và dân chủ Tây phương thông qua Anh ngữ và nền giáo dục Anh. Với những quan chức được đào tạo bằng giáo dục Anh thì cảm thấy thích thú với sức mạnh và địa vị xã hội mà họ có được nhờ những kiến thức Anh ngữ...

Trong hoàn cảnh đó, tất cả những hội đồng và uỷ ban giáo dục của Chính phủ đều nhấn mạnh tầm quan trọng của ngôn ngữ mẹ đẻ như là một phương tiện truyền đạt và tiếng Anh là một môn học. Thực tế, quan điểm này đã được đề cập đến trong bản Tuyên ngôn của Wood (năm 1854). Theo nhận xét của một nhà sử học Ấn Độ, “thật thú vị khi tất cả những kế hoạch trong các bản báo cáo được viết sau 1947 được tìm thấy ở những bản báo cáo viết trước 1947. Tất cả đều cho thấy một thực tế rằng Anh ngữ và nền giáo dục Anh đã bám chắc trong hệ thống giáo dục Ấn Độ. Tiếng Anh đã được thể chế hoá ở Ấn Độ và tự nó đã đồng nhất sau năm 1947”⁽¹⁴⁾. Điều đó đã được thể hiện ở sự ra đời của các tổ chức phát triển giáo dục và các văn kiện của nó cũng như của Chính phủ, tất cả đều đề cập đến sự phát triển đào tạo Anh ngữ như là một môn học quan trọng của nền giáo dục Ấn. Anh ngữ ở Ấn Độ đã đồng nhất thành văn hoá ngôn ngữ của chính dân tộc này. Người Ấn sử dụng tiếng Anh bởi người Ấn, vì người Ấn. Tiếng Anh ở Ấn Độ là tiếng Anh-ấn, được gọi là “Indian English”.

Sự đồng nhất của Anh ngữ ở Ấn Độ còn thể hiện ở chiều ngược lại, sau khi người Anh rời khỏi đất nước này họ đã mượn rất nhiều từ ngữ Ấn bổ sung vào vốn từ của mình, thậm chí còn phổ biến cả trong tiếng Anh quốc tế. Bộ từ điển *The Oxford English Dictionary* có khoảng 1000 từ gốc

Ấn Độ, các bộ từ điển khác cũng bổ sung khoảng 2000 từ⁽¹⁵⁾. Thực chất đó là kết quả của 2 quá trình “Ấn Độ hoá Anh ngữ” và “Anh ngữ hoá các ngôn ngữ Ấn”. Tiếng Anh đã đưa đến sự giao lưu giữa những yếu tố quốc tế và dân tộc, vì thế, “tiếng Anh ở Ấn Độ mang tính chất phương Đông - Quốc tế hơn là phương Đông - Anh”⁽¹⁶⁾.

2. Trong thiên kỷ mới, tiếng Anh trở thành ngôn ngữ toàn cầu. Anh ngữ đã thay đổi tính chất trong sự tồn tại và phát triển của mình. Tiếng Anh đã bùng nổ mạnh mẽ ở Ấn Độ; và với những giá trị lịch sử, văn hoá vô cùng to lớn, Anh ngữ thực sự là một nhân tố quan trọng để dân tộc này hội nhập và phát triển.

Với sự xuất hiện của Công nghệ Thông tin (Information Technology), có ý nghĩa như là một cuộc cách mạng (cách mạng IT), đời sống nhân loại đã thay đổi mọi mặt. Tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ của Kỷ nguyên Thông tin (Info - Age), có mặt ở khắp mọi nơi, thống trị cả thế giới. Hiện nay có khoảng 1,5 tỉ người trên thế giới sử dụng tiếng Anh, trong đó có khoảng 350 triệu người sử dụng như tiếng mẹ đẻ, phần còn lại sử dụng như là ngôn ngữ thứ hai⁽¹⁷⁾. Kết quả của việc mở rộng Anh ngữ, đặc điểm của nó cũng thay đổi. Trong suốt thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX, tiếng Anh mang đặc điểm của một hiện tượng văn hóa nhưng ngày nay nó là công cụ giao tiếp quốc tế và vì thế nó không còn gắn bó với một nền văn hoá nào nữa.

Đầu thế kỷ XXI này, tiếng Anh đã “bùng nổ” ở Ấn Độ, thể hiện trong sự tăng mạnh của các trường dạy tiếng Anh và số lượng sinh viên, giáo viên. Năm 2004, có khoảng 300 trường đại học và 13.000 trường cao đẳng dạy Anh ngữ với khoảng 2 triệu giáo viên và hơn 200 triệu sinh

viên. Sự phổ biến còn thể hiện rõ ở con số các xuất bản phẩm bằng tiếng Anh ở Ấn Độ. Khoảng 1/3 sách và 1/5 tạp chí định kỳ được xuất bản bằng tiếng Anh. Hầu hết báo tiếng Anh được xuất bản ở các đô thị, phát hành ở đây và những vùng ngoại ô lân cận. Tỷ lệ biết đọc, biết viết tiếng Anh cũng tăng lên khoảng 7%⁽¹⁸⁾.

Cuối thế kỷ XX, ở Ấn Độ có khoảng 70 triệu người sử dụng tiếng Anh, nhiều hơn ở nước Anh. Hiện nay, với xấp xỉ 11% tổng dân số biết nói tiếng Anh, Ấn Độ tự hào với hơn 100 triệu người biết nói tiếng Anh. Có khoảng 150 triệu trẻ em ở tuổi cấp tiểu học sẽ học ngôn ngữ này. Tại Ấn Độ, kỹ năng tiếng Anh là một biểu hiện của hệ thống cấp bậc xã hội. Trên thực tế, tất cả những người ở tầng lớp trung lưu và thượng lưu trong xã hội Ấn Độ đều nói trôi chảy tiếng Anh. “Sự trôi chảy tiếng Anh là điều kiện trước tiên cho sự thay đổi đi lên trong nấc thang tầng lớp xã hội”. Tiếng Anh được thể hiện trong phương tiện truyền thông. Tại các thành phố lớn của Ấn Độ, đường truyền tivi bằng cáp có ít nhất 25 kênh tiếng Anh. “*The Times of India*” là tờ báo bán chạy nhất sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh. Tất cả máy tính, thư điện tử đều dùng tiếng Anh trong khi hệ điều hành Window không dùng ngôn ngữ Ấn. Một số lượng lớn phim tiếng Anh được các nhà sản xuất phim Ấn Độ làm từ Bollywood – thành phố làm phim của Ấn Độ, sau đó cung cấp các sản phẩm cho các đối tác tại Hollywood. Anh ngữ đã trở thành nhân tố thu hút sự đầu tư của các nhà tư bản trên thế giới. 500 tập đoàn Mĩ thành lập văn phòng thông tin phản hồi tại Ấn Độ, bổ sung cho các công ty Bắc Mĩ. Các văn phòng này thuê những thế hệ nói tiếng Anh Mĩ tại Ấn Độ, cung cấp các dịch vụ khách hàng qua điện thoại, phục vụ

cho các tập đoàn tư bản tại Mỹ. Năm 2004, có hơn 200.000 người Ấn làm việc cho các trung tâm phục vụ khách hàng qua điện thoại tại Ấn Độ⁽¹⁹⁾. Tiếng Anh đang thực sự trở thành ngôn ngữ thứ 2 của hầu hết dân chúng Ấn Độ.

Người Anh ra đi và để lại cho dân tộc này một “hệ quả” của chủ nghĩa thực dân vô cùng có ý nghĩa, và thực sự có ý nghĩa hơn trong xu thế phát triển hiện nay của thế giới.

Giá trị để lại biểu hiện rất rõ trong hệ thống giáo dục ở Ấn Độ. Ngay sau ngày độc lập, hệ thống đại học không nằm trong vấn đề nhạy cảm cần thay đổi. Trong khi thế giới bên ngoài đang sử dụng tiếng Anh trong công nghệ và giao tiếp quốc tế thì ở Ấn Độ các trường đại học và cao đẳng vẫn tiếp tục đào tạo theo chương trình của Macaulay. Tiếng Anh vẫn tiếp tục được phổ cập, trang bị cho những tầng lớp người Ấn Độ trẻ tuổi một vốn tiếng Anh và văn hoá Âu. Đó là một lợi thế để đất nước này hội nhập thế giới. Nó cũng đồng nghĩa với cơ hội tìm việc ở Ấn Độ. Các trung tâm tiêu thụ hàng hoá, các trung tâm phản hồi thông tin, các trung tâm dịch vụ y tế, các trung tâm lưu giữ thông tin cho các công ty đa quốc gia, phát triển phần mềm... đang tạo ra hàng triệu việc làm trên toàn Ấn Độ cho những người biết tiếng Anh.

Dạy Anh ngữ đang trở thành công việc kinh doanh lớn ở Ấn Độ. ở khắp mọi góc phố đều có các trung tâm, học viện đào tạo Anh ngữ. Những người có khả năng tiếng Anh tốt đều có cơ hội thành giáo viên. Chất lượng của những giáo viên Anh ngữ người Ấn đang được thể hiện nhiều nơi trên thế giới: Trung Đông, châu Phi, Hong Kong, Singapore, Malaysia, Brunei, và thậm chí ở Anh và Mỹ. “Tiếng Anh đang được xuất khẩu từ Ấn Độ”.

Tiếng Anh đang tạo ra một “thương trường” cho người Ấn với những “sản phẩm Ấn” trên toàn thế giới. Đó là yoga, các loại thảo dược, thuyết duy linh Ấn Độ, chữ viết Ấn trong Anh ngữ, các chuyên gia giỏi nhiều lĩnh vực sử dụng tiếng Anh, kinh nghiệm phần mềm... Tất cả đang tạo cơ hội cho Ấn Độ phát triển trên trường quốc tế, và cũng là điểm hấp dẫn nhiều người nước ngoài đến Ấn Độ, có thể chỉ vì yoga hoặc vì việc làm. Nhưng “tất cả vì Ấn Độ nói tiếng Anh”.

Điều đáng nói là chính người dân Ấn Độ muốn nói lời cảm ơn với Macaulay. Họ đang muốn đánh giá đúng những gì mà người Anh đã làm cho dân tộc mình. Các nhà nghiên cứu gọi tiếng Anh là “*gold-mine*” (kho vàng) và xem đó là “*The colonial legacy*” – di sản của thực dân. Nhà chính trị gia Pramod Mahajan, khi là Bộ trưởng Công nghệ thông tin và Truyền thông của Đảng BJP, một đảng có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng người Hindu ở Ấn Độ, đã phát biểu trong một cuộc đón tiếp Thủ tướng Anh Tony Blair khi đến thăm Bangalore rằng: “Chúng tôi biết ơn người Anh vì đã dạy chúng tôi tiếng Anh, một thực tế mà bây giờ người Trung Quốc đang hối tiếc.” (“*The Hindu*” trực tuyến ngày 6 tháng 1 năm 2002).

Với tất cả những gì đã nói ở trên, lịch sử tiếng Anh ở Ấn Độ quả thật là một câu chuyện hấp dẫn về sức mạnh và sự kháng cự, của sự xâm lược và tiếp nhận, của uy quyền và sự lật đổ, của cái ra đi và điều ở lại. Truyền bá Anh ngữ ở thuộc địa Ấn Độ là mục đích của thực dân Anh và vì chính quyền lợi của người Anh nhưng những giá trị lịch sử để lại đã nằm ngoài tầm kiểm soát của họ. Có thể nói chính đất nước Ấn Độ, chính người dân Ấn Độ đã chủ động tiếp nhận Anh ngữ, thúc đẩy sự phát triển

và “đồng hoá” nó thành ngôn ngữ của chính mình. Đó phải chăng cũng là điều may mắn của lịch sử./

CHÚ THÍCH

1. N.krishnaswamy, Lalitha Krishnaswary, The story of English in India, Foundation Books Pvt. Ltd, first published 2006, p.10.
2. N.krishnaswamy, Lalitha Krishnaswary, The story of English in India, sdd, p.18.
3. Vishwanathan, G, Masks of Conquest: Literary Study and British Rule in India, London: Faber and Faber Press 1989, p.19.
- 4, 5. N.krishnaswamy, Lalitha Krishnaswary, The story of English in India, sdd, p.32.
- 6, 7, 8, 9, 10. N.krishnaswamy, Lalitha Krishnaswary, The story of English in India, sdd, p.47-p.91.
- 11, 12. J.Krishnamuri, On Nationalism, The first and last Freedom, Foundation India, 2000, p91,p.103.
13. N.krishnaswamy, Lalitha Krishnaswary, The story of English in India, sdd, p109.
14. N.krishnaswamy, Lalitha Krishnaswary, The story of English in India, sdd, p.114.
15. D.Crystal, English as a Global Language, Cambridge University Press 1997.
16. Vishwanathan, G, Masks of Conquest: Literary Study and British Rule in India, London: Faber and Faber Press 1989.
17. J.Krishnamuri, On Nationalism, The first and last Freedom, sdd.
18. D.Crystal, English as a Global Language, sdd, p.139.
19. Nguồn <http://tesol-india.ac.in/html>, truy cập ngày 19 tháng 01 năm 2010.